

ĐỀ CHÍNH

Môn: TOÁN – Lớp 7

(Đề gồm có 02 trang)

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

A/ TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) *Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước phương án đúng nhất:***Câu 1.** Trong các câu sau, câu nào **sai**?

- A. Số hữu tỉ âm nhỏ hơn số hữu tỉ dương.
- B. Số 0 không là số hữu tỉ dương, cũng không là số hữu tỉ âm. .
- C Tập hợp $\mathbb{Q}$ gồm các số hữu tỉ dương, các số hữu tỉ âm và số 0.
- D. Số nguyên âm không phải là số hữu tỉ âm.

Câu 2. Số nào sau đây **không** phải số hữu tỉ?

- A. - 2,5 B. 25 C. $\frac{2025}{0}$ D. $2\frac{2}{5}$

Câu 3. Chu kỳ của số thập phân vô hạn tuần hoàn $-5,25(6)$ là

- A. 256 B. 6 C. 25 D. 0,256

Câu 4. Giá trị của biểu thức $4^8 \cdot \frac{1}{4^6}$ là

- A. 16 B. 1 C. 16^2 D. 16^4

Câu 5. Căn bậc hai số học của 36 là

- A. 6 B. - 6 C. ± 6 D. 18

Câu 6. Số $\sqrt{7}$ thuộc tập hợp số

- A. $\mathbb{Z}$ B. $\mathbb{R}$ C. $\mathbb{Q}$ D. $\mathbb{N}$

Câu 7. $|-3,5|$ bằng

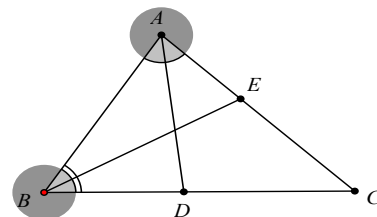
- A. 7. B. -3,5. C. 3,5. D. -7.

Câu 8. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Hai góc đối đỉnh thì bù nhau. C. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
- B. Hai góc đối đỉnh thì kề nhau. D. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

Câu 9. Trong hình vẽ bên, các tia phân giác là

- A. AD, BE . B. AD, BC .
- C. AB, BE . D. AD, AB .

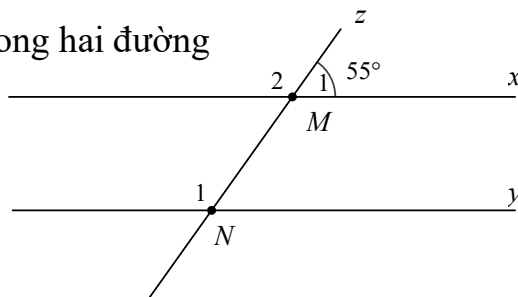
**Câu 10.** Cho điểm B nằm ngoài đường thẳng d. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua điểm B và song song với đường thẳng d.

- A. 0 B. 1 C. 2 D. vô số

Câu 11. Chọn câu trả lời đúng.

Trong định lí: " Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia." Ta có giả thiết là

- A. "nếu một đường thẳng vuông góc".
- B. "nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".
- C. "một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song".
- D. "nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".



Câu 12. Cho hình vẽ, biết $x \parallel y$ và $\widehat{M_1} = 55^\circ$. Số đo góc N_1 là

- A. 35°
- B. 55°
- C. 65°
- D. 125°

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). So sánh hai số hữu tỉ $\frac{5}{6}$ và $\frac{6}{5}$.

Câu 2 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{-10}{3} - \left(\frac{2}{11} - \frac{10}{3} \right)$

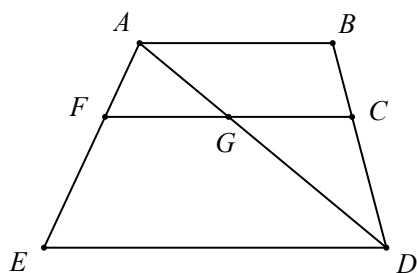
b) $\frac{2}{3} \cdot 3^2 + \frac{5}{2} \cdot (-6)$

c) $202,5 \cdot 3,2 + 202,5 \cdot 5,8 + 202,5$

Câu 3 (1 điểm). Tìm x , biết: $\left(x - \frac{3}{5} \right) : \frac{-1}{3} = 0,4$

Câu 4 (1 điểm). Cho hình vẽ sau, hãy chỉ ra:

- a) Các cặp góc kề bù.
- b) Các cặp góc đối đỉnh.



Câu 5 (2 điểm). Cho $\triangle ABC$ có $\widehat{ABC} = 70^\circ$, $\widehat{ACB} = 40^\circ$. Vẽ tia Cx là tia đối của tia CB . Vẽ tia Cy là tia phân giác của $\widehat{ACx}$.

a) Tính $\widehat{ACx}$, $\widehat{xCy}$.

b) Chứng minh rằng $AB \parallel Cy$.

Câu 6 (1 điểm). Để làm một cái bánh cần $2\frac{3}{4}$ cốc bột. Hoa đã có $1\frac{1}{2}$ cốc bột. Hỏi Hoa cần thêm bao nhiêu cốc bột nữa để vừa đủ làm được một cái bánh ?

Thời gian: 90 phút (*không kể thời gian giao đề*)

Họ và tên:.....

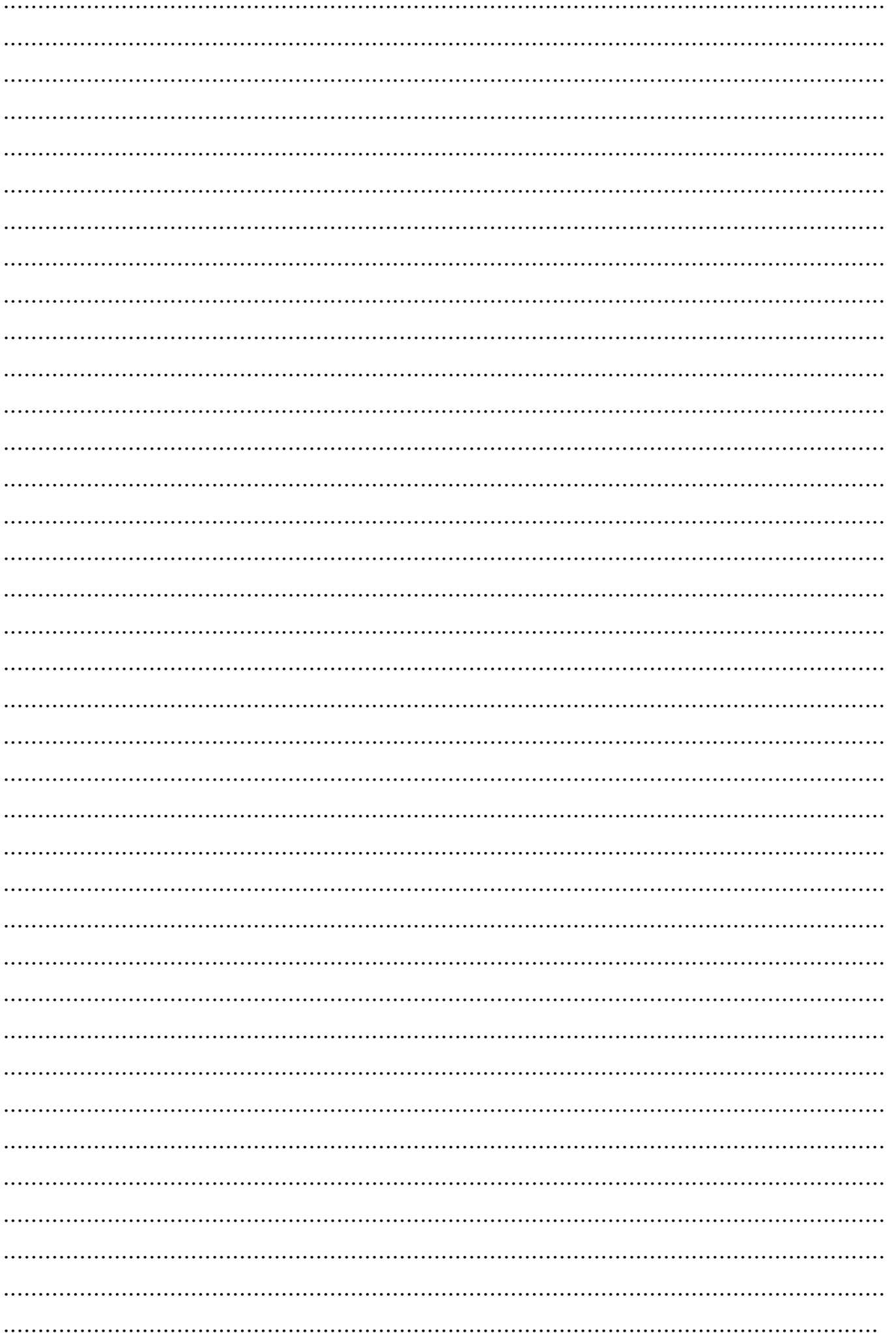
Lớp : 7/

<u>Điểm :</u>	<u>Lời phê :</u>
----------------------	-------------------------

Bài làm :

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 1/4 điểm.

[illegible]This image shows a full page of white paper with horizontal blue or grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a template for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.



ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM

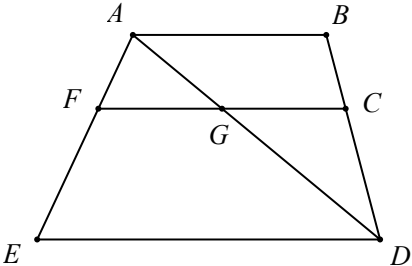
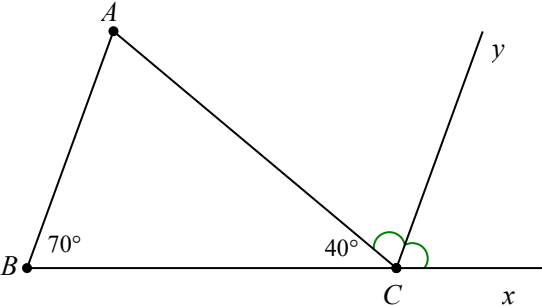
KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 7 NĂM 2025 - 2026

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	D	C	B	A	A	B	C	D	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN

CÂU	NỘI DUNG	THANG ĐIỂM
1	Ta có : $\frac{5}{6} < 1$ và $1 < \frac{6}{5}$ Nên $\frac{5}{6} < \frac{6}{5}$.	0,25 0,25
2	Thực hiện phép tính: a) $\frac{-10}{3} - \left(\frac{2}{11} - \frac{10}{3} \right) = \frac{-10}{3} - \frac{2}{11} + \frac{10}{3} = -\frac{2}{11}$	0,5
	b) $\frac{2}{3} \cdot 3^2 + \frac{5}{2} \cdot (-6) = \frac{2}{3} \cdot 9 + \frac{5}{2} \cdot (-6)$ $= 6 + (-15) = -9$	0,5
	c) $202,5 \cdot 3,2 + 202,5 \cdot 5,8 + 202,5 = 202,5 (3,2 + 5,8 + 1)$ $= 202,5 \cdot 10 = 2025$	0,5
3	Tìm x, biết: a) $\left(x - \frac{3}{5} \right) : \frac{-1}{3} = 0,4$ $\left(x - \frac{3}{5} \right) = \frac{2}{5} \cdot \frac{-1}{3}$ $x - \frac{3}{5} = \frac{-2}{15}$ $x = \frac{-2}{15} + \frac{3}{5}$ $x = \frac{7}{15}$ Vậy $x = \frac{7}{15}$.	0,25 0,25 0,25 0,25

4	 a) Các cặp góc kề bù là: $\widehat{FGA}$ và $\widehat{AGC}$; $\widehat{AGC}$ và $\widehat{CGD}$; $\widehat{CGD}$ và $\widehat{DGF}$; $\widehat{DGF}$ và $\widehat{FGA}$; $\widehat{AFG}$ và $\widehat{GFE}$; $\widehat{BCG}$ và $\widehat{DCG}$ b) Các cặp góc đối đỉnh là: $\widehat{FGA}$ và $\widehat{CGD}$; $\widehat{DGF}$ và $\widehat{AGC}$	0,25 0,25
5	 a) Ta có: $\widehat{ACx} + \widehat{ACB} = 180^\circ$ (hai góc kề bù) nên $\widehat{ACx} = 180^\circ - \widehat{ACB} = 180^\circ - 40^\circ = 140^\circ$ Vì Cy là tia phân giác của $\widehat{ACx}$ nên $\widehat{xCy} = \widehat{ACy} = \frac{\widehat{ACx}}{2} = \frac{140^\circ}{2} = 70^\circ$ b) Trình bày và kết luận được $\widehat{ABC} = \widehat{xCy} = 70^\circ$ Mà hai góc ở vị trí đồng vị nên $AB \parallel Cy$	0,25 0,5 0,5 0,5 0,25
6	Gọi x là số cốc bột cần tìm. Theo đề bài ta có: $x + \frac{3}{2} = \frac{11}{4}$ $x = \frac{11}{4} - \frac{3}{2}$ $x = 1\frac{1}{4} \text{ (cốc bột).}$	0,25 0,25 0,25 0,25

(HS có cách giải khác, làm đúng kết quả thì vẫn đạt điểm tối đa)

HSKT không làm câu 1, 3, 5 b, 6

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7

Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng % điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	2 (C1,2) 0.5					(C1) 0.5	5
	Các phép tính với số hữu tỉ			(C4) 0.25	(C 2a,b) 1		(C 3) 1 (C 2c) 0.5 (C 6) 1	37.5
Số thực	Căn bậc hai số học	1(C5) 0.25						2.5
	Số vô tỉ. Số thực	3(C3,6,7) 0.75						7.5
Các hình hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.	2(C8,9) 0.5	(C 4a,b) 1					15
	Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	1(C10) 0.25		(C12) 0.25	(C 5a,b) 2			25

	Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	1(C11) 0.25						2.5
Tổng		2.5	1	0.5	3.0	0	3.0	10
Tỉ lệ %		35%		35%		30%		100%
Tỉ lệ chung		70				30		100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - So sánh được hai số hữu tỉ.	2 (TN)		C1
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó. - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.		1 (TN) 2 a,b	C3 C6

			- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).			C 2c
2	Căn bậc hai số học	Căn bậc hai số học	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. Thông hiểu: - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	1 (TN)		
		Số vô tỉ. Số thực	Nhận biết: - Nhận biết được số thập phân hữu hạn, số thập phân vô hạn tuần hoàn. - Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. - Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. - Nhận biết được số đối của của một số thực. - Nhận biết được thứ tự trong tập số thực. - Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.	3 (TN)		

3	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.	Nhận biết: - Nhận biết các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập.	2 (TN) (4ab)		
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.	1 (TN)	C 5a,b (5a,b)	
		Khái niệm định lý, chứng minh một định lý	Nhận biết: - Nhận biết được thế nào là một định lý.	1 (TN)		